TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 06/8/2024
V/v *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Hồ Quang Thành;

Ông Đỗ Ngọc Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T;

Địa chỉ: Số I, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc C – chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Kỳ K – sinh năm 1981; trú tại: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy uỷ quyền số 117-2/UQ/HSF/2023 ngày 12/12/2023 của Công ty Cổ phần T). *(Ông K có mặt)*.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Mậu H - sinh năm: 1993; trú tại: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Ông H vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2023 (nộp Tòa án ngày 22 tháng 8 năm 2023); bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Kỳ K trình bày:*

Giữa Công ty Cổ phần T – Chi nhánh tỉnh K và ông Đặng Mậu H có quan hệ mua bán với nhau, Công ty Cổ phần T – Chi nhánh tỉnh K bán tôn, thép, vật liệu xây dựng cho ông Đặng Mậu H, hai bên tiến hành thanh toán theo từng đơn hàng. Ngày 23/5/2023, Công ty Cổ phần T – Chi nhánh tỉnh K có bán cho ông Đặng Mậu H 02 đơn hàng gồm: Thép xây dựng, dây thép đen… với tổng giá trị: 42.526.400 đồng. Ông H đã ký nhận đầy đủ số hàng trên theo các Phiếu bán hàng số 146300207334 với giá trị đơn hàng là 27.346.0004 đồng và Phiếu bán hàng số 146300207496 với giá trị đơn hàng là 15.180.396 đồng.

Sau khi nhận đầy đủ số hàng thì ông H có thanh toán được 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), còn lại 24.526.400 đồng thì không thanh toán nữa.

Mặc dù Chi nhánh K đã nhiều lần yêu cầu ông H tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông H không thực hiện.

Hiện tại, sau khi đối chiếu công nợ thì ông H vẫn còn nợ Công ty Cổ phần T số tiền nợ gốc là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Đặng Mậu H phải trả nợ tiền hàng cho Công ty số tiền 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng đồng) và tiền lãi đối với số tiền chậm trả tính đến ngày 27/7/2023 là 430.052đ (bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng). Tổng số tiền Công ty cổ phần T yêu cầu là 24.956.452đ (hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Nay, nguyên đơn Công ty Cổ phần T chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đặng Mậu H thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền nợ gốc là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Đối với số tiền chậm trả tính đến ngày 27/7/2023 là 430.052đ (bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng), Công ty Cổ phần T xin rút, không yêu cầu nữa.

Đối với bị đơn ông Đặng Mậu H: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T, buộc bị đơn ông Đặng Mậu H phải trả một lần cho nguyên đơn Công ty Cổ phần T toàn bộ số tiền mua thép còn nợ là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Đối với số tiền chậm trả tính đến ngày 27/7/2023 là 430.052đ (bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng) do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần T yêu cầu ông Đặng Mậu H thanh toán số tiền nợ gốc do mua bán thép xây dựng là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); bị đơn ông Đặng Mậu H có địa chỉ là thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểu a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn ông Đặng Mậu H đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Mậu H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến ngày xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Đặng Mậu H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần T đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Mậu H thanh toán số tiền nợ gốc do mua bán thép là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) theo Phiếu bán hàng số 146300207334 với giá trị đơn hàng là 27.346.0004 đồng và Phiếu bán hàng số 146300207496 với giá trị đơn hàng là 15.180.396 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

[2.3] Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn ông Đặng Mậu H nhưng căn cứ vào Phiếu bán hàng số 146300207334 với giá trị đơn hàng là 27.346.0004 đồng; Phiếu bán hàng số 146300207496 với giá trị đơn hàng là 15.180.396 đồng và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; có đủ căn cứ kết luận: Việc mua bán thép giữa Công ty Cổ phần T và ông Đặng Mậu H là có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng mua bán tài sản trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; ông Đặng Mậu H hiện còn nợ Công ty Cổ phần T số tiền nợ gốc do mua bán thép là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

[2.4] Việc ông H không thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần T vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về mua bán tài sản; nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời gây khó khăn cho

Công ty Cổ phần T trong việc thu hồi tiền nợ, ảnh hưởng quyền lợi của Công ty Cổ phần T nên Công ty Cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán tiền nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Về tiền lãi: Nguyên đơn Công ty Cổ phần T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Kỳ K xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chậm trả tính đến ngày 27/7/2023 là 430.052đ (bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng). Việc rút 01 phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.7] Về yêu cầu của bị đơn: Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Đặng Mậu H và tại các văn bản trên, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh đã thông báo rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng phía bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản phản hồi ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ, không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[2.8] Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Mậu H phải trả một lần cho nguyên đơn Công ty Cổ phần T toàn bộ số tiền mua thép còn nợ là 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của Công ty Cổ phần T được chấp nhận nên Công ty Cổ phần T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Mậu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần T.

Buộc ông Đặng Mậu H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 24.526.400đ (hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần T về việc buộc ông Đặng Mậu H trả 430.052đ (bốn trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

3. Về án phí: Ông Đặng Mậu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.226.320đ (một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002099 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng